

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
5. Định hướng phát triển.....	7
6. Các rủi ro.....	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện so với kế hoạch	8
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
3. Hoạt động đầu tư	10
4. Tình hình tài chính.....	10
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	12
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	12
2. Tình hình tài chính.....	13
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	16
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	17
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	18
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Giám đốc Công ty.....	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	19
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	19
1. Hội đồng quản trị.....	19
2. Ban Kiểm soát	21
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty.....	22
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	24
1. Ý kiến kiểm toán	24
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	33



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Địa chỉ : Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại : +84 31 3730011 Fax : +84 31 3730012 Email : vpcom@vnn.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Năm báo cáo : 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**
Giấy Chứng nhận ĐKDN : Số 0200809454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố
Hải Phòng cấp lại lần hai ngày 01/4/2014;
Vốn điều lệ : 150.761.770.000đ;
Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 150.761.770.000đ;
Địa chỉ trụ sở chính : P.7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải phòng;
Số điện thoại : (84-31) 3730011;
Số fax : (84-31) 3730012;
Số fax : Vpcom@vnn.vn;
Email : www.vptrans.vn;
Website : VPA.
Mã cổ phiếu

Quá trình hình thành và phát triển :

- Ngày 26/12/2007 : Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex) đã phê duyệt dự án thành lập Công ty Cổ phần vận tải Hóa dầu VP do Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (nay là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP) và Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO đề xuất;
- Ngày 16/3/2008 : Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP đã chính thức được thành lập tại Đại hội cổ đông sáng lập;

- Ngày 23/4/2008 : Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải phòng cấp giấy phép ĐKKD số 0203004237 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 01/4/2014 với mã số doanh nghiệp là 0200809454;
- Ngày 31/12/2015 : Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch UPCOM với mã cổ phiếu là VPA.

Đến nay, Công ty đã hoạt động được 08 năm, đã hoàn thành dự án đóng mới 02 tàu chở nhựa đường lỏng và đang dần dần khẳng định thương hiệu trên thị trường vận tải Thế giới và khu vực. Được sự hỗ trợ, giúp đỡ từ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và của các cổ đông sáng lập, các công ty bạn và đối tác, với thị trường vận tải nhựa đường hấp dẫn phía trước, Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP chắc chắn sẽ đi những bước tiến thành công trong tương lai.

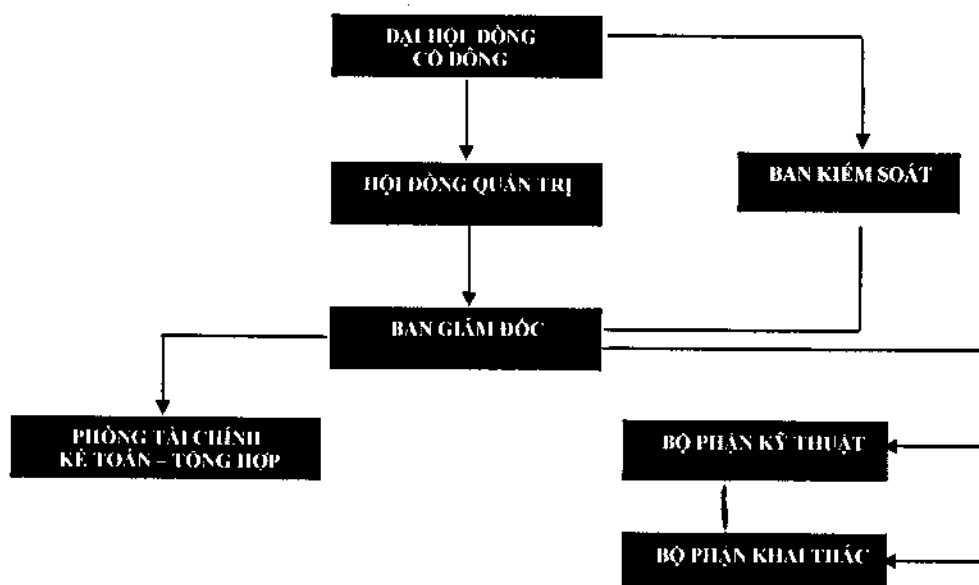
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh :** Vận tải nhựa đường lỏng ven biển và viễn dương.
- **Địa bàn kinh doanh :** Các tuyến vận tải Đông Nam Á.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Sơ đồ 1 : Mô hình quản trị



Công ty Cổ phần vận tải Hóa dầu VP đang áp dụng mô hình tổ chức và quản trị, điều hành của công ty cổ phần. Mô hình được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Đại Hội đồng Cổ đông :** Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty;

❖ **Hội đồng quản trị :** Do ĐHĐCD bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm sau khi được ĐHĐCD thông qua; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người, nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Quyền hạn và nhiệm vụ chính của HĐQT :

- Quyết định kế hoạch phát triển SXKD và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCD thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ,...

❖ **Ban Kiểm soát :**

- Do ĐHĐCD bầu ra, thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. BKS phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, GĐĐH và các CBQL khác của Công ty. BKS phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán.

- BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây :

+ Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan trình ĐHĐCD thông qua;

+ Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- + Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- + Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;
- + Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- + Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của GĐĐH;
- + Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và
- + Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của GĐĐH.

❖ Ban Giám đốc :

- Ban Giám đốc bao gồm một (01) Giám đốc điều hành. Giám đốc là người điều hành công việc của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Nhiệm kỳ của Giám đốc là 03 (ba) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hết sức gọn nhẹ, bao gồm 01 Giám đốc, 01 Phòng Tài chính - Kế toán - Tổng hợp và các bộ phận nghiệp vụ. Trong đó, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận như sau :

❖ Phòng Tài chính - Kế toán tổng hợp :

- Tài chính kế toán : Có chức năng lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước;
- Tổng hợp : Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong Công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị.

❖ Các bộ phận nghiệp vụ :

- Bộ phận Kỹ thuật : Đầu tư, quản lý kỹ thuật - vật tư, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn của Công ty;

- Bộ phận Khai thác : Quản lý khai thác tàu, lập kế hoạch, theo dõi thị trường, điều động tàu, đảm bảo an toàn cho tàu và các thủy thủ, làm các thủ tục pháp chế và bảo hiểm cho tàu.

Các bộ phận nghiệp vụ chịu sự quản lý và điều hành trực tiếp từ Giám đốc để thực hiện các công việc, hoạt động của Công ty.

c. Các công ty con, công ty liên kết :

(Công ty không có công ty con và công ty liên kết)

4. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng được đội tàu vận tải hóa dầu trong nước và quốc tế, đưa Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành vận tải biển;
- Trở thành nhà môi giới mua bán tàu biển uy tín trên thị trường mua bán tàu biển trong nước và khu vực.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Từ năm 2013 - 2018 : Khai thác đội tàu sẵn có và tiếp tục tìm kiếm cơ hội để đầu tư mới những tàu chở nhựa đường tiếp theo, đồng thời mở rộng sang lĩnh vực môi giới và mua bán tàu biển.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Công ty đã và đang thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), an toàn giao thông, nâng cao hiệu quả công tác ATVSLĐ và xây dựng tác phong lao động trong doanh nghiệp. Duy trì và phát triển phong trào “Xanh, sạch, đẹp, đảm bảo ATVSLĐ”. Phần đầu không để xảy ra tai nạn lao động, giảm thiểu các bệnh nghề nghiệp, hạn chế tối đa xảy ra các sự cố an ninh hàng hải;
- Tích cực phối hợp cùng với Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức đoàn thể, xã hội khác của Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện, phong trào đền ơn, đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ Quỹ “Mái ấm công đoàn”, chăm lo giúp đỡ CBCNV, sỹ quan, thuyền viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho CBCNV Công ty, chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước...

5. Các rủi ro

- Hoạt động vận tải biển chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô và các biến động chính trị trên thế giới. Điển hình là giai đoạn 2008 - 2013 vừa qua với xuất phát điểm từ cuộc khủng hoảng tài chính dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu, đến khủng hoảng nợ công nghiêm trọng tại khu vực đồng tiền chung Châu Âu. Những tranh chấp trên biển Đông trong thời gian gần đây giữa Trung Quốc và những nước láng giềng cũng ảnh hưởng không nhỏ tới ngành vận tải biển nói chung và tuyến vận tải biển của Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP nói riêng;
- Rủi ro từ những yếu tố thiên nhiên như thảm họa động đất, sóng thần...;
- Rủi ro từ những yếu tố do con người gây ra như chiến tranh, cướp biển...;
- Một yếu tố tác động trực tiếp tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải biển là giá nhiên liệu. Giá mua nhiên liệu Fuel Oil (Fo) và Diesel (Do) vào cuối năm 2015 đã giảm sâu so với giá nhiên liệu năm 2014 và trước đó do ảnh hưởng của tình hình chính trị trên thế giới. Tuy nhiên, mức giá nhiên liệu này sẽ không ổn định lâu dài, việc giá nhiên liệu tăng lên sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Ngoài ra, Công ty còn có khả năng gặp rủi ro về lãi suất và chênh lệch tỷ giá khi tỷ giá liên tục biến động tăng trong thời gian qua, tác động rất lớn đến điều kiện thanh toán vốn vay và lãi vay đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện so với kế hoạch

Trong năm 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp thuận lợi khi nhu cầu nhựa đường luôn cao, chi phí nhiên liệu giảm sâu nhưng do tỷ giá tăng mạnh ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả kinh doanh của Công ty. Năm 2015, chênh lệch do tỷ giá của Công ty là 19 tỷ, tăng lên 13 tỷ so với năm 2014. Tuy nhiên, kết thúc năm, Công ty vẫn đạt được kết quả rất khả quan. Hai tàu được khai thác liên tục, ngoài thời gian tàu VP ASPHALT 1 lên đà kiểm tra kỹ thuật định kỳ lần đầu tháng 7/2015, hai tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 đều khai thác hết ngày tàu tốt.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thể hiện trong bảng sau đây

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ thực hiện 2015	
					TH 2014	KH 2015
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	143.884.855	137.380.902	145.710.032	1.27%	6.06%
II	Giá vốn dịch vụ	112.337.619	102.451.464	96.331.175	-14.25%	- 5.97%
III	Lợi nhuận gộp (III = I - II)	31.547.236	34.929.438	49.378.857	56.52%	41.37%
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	2.333.464	50.000	886.138	62.02%	-
V	Chi phí hoạt động tài chính	28.481.497	25.687.117	37.486.065	31.62%	45.93%
VI	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.033.851	3.605.458	4.113.077	35.57%	14.08%
VII	Lợi nhuận khác	(170.275)		105.419	161.91%	-
VIII	Lợi nhuận trước thuế	2.195.076	5.686.862	8.771.272	299.59%	54.24%
X	Lợi nhuận sau thuế	1.756.061	4.549.490	8.771.272	399.49%	92.80%

2. Tổ chức và nhân sự

Trong năm, mô hình bộ máy quản lý điều hành của Công ty không thay đổi. Số lượng lao động trong Công ty có biến động như sau :

- Tổng số lao động đầu kỳ : 7 người;
- Tổng số lao động cuối kỳ : 8 người.

(Từ tháng 3/2015 Công ty đã tuyển dụng thêm 01 lao động - nhân viên tổng hợp để xử lý các hồ sơ, chứng từ thuộc Bộ phận Khai thác và Kỹ thuật).

a. Giám đốc Công ty : Ông Đặng Minh Thao

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

- Ông Đặng Minh Thao sinh ngày 29/10/1960, tốt nghiệp trường Đại học Hàng Hải chuyên ngành Kỹ sư máy tàu thủy niên khóa 1977-1982. Ông Đặng Minh Thao có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải biển và hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mà Ông Đặng Minh Thao đang nắm giữ là 5.000 cổ phần (tương đương 0.06% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty)

b. Trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng hợp : Bà Vũ Thị Mai

- Bà Vũ Thị Mai sinh ngày 23/01/1979, tốt nghiệp Học viện Tài chính Kế toán chuyên ngành tài chính kế toán niên khóa 1996-2000; tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tổ chức và Quản lý vận tải của Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam khóa năm 2004-2007. Bà Vũ Thị Mai đã có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính và đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng kế toán tài chính tổng hợp được 7 năm. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mà bà Vũ Thị Mai đang nắm giữ là 3.000 cổ phần (tương đương 0.035% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty);

- Nhân sự phòng Tài chính Kế toán tổng hợp gồm 3 người, một trưởng phòng và 2 kế toán viên;

- Bộ phận kỹ thuật và bộ phận khai thác của Công ty chịu sự điều hành trực tiếp từ Giám đốc Công ty. Mỗi bộ phận gồm một chuyên viên chính và một chuyên viên giúp việc;

- Các chính sách đối với người lao động : Dưới sự điều chỉnh của các bộ luật và các Quy chế hoạt động trong Công ty, Người lao động trong Công ty luôn luôn được áp dụng những chế độ đãi ngộ ưu đãi nhất có thể.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Năm 2015, Công ty vẫn tập trung khai thác 2 tàu chở nhựa đường lỏng VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 và không có hoạt động đầu tư vào lĩnh vực khác.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Chênh lệch
Tổng giá trị tài sản	498.594.893.750	511.172.289.755	12.577.396.005

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Doanh thu thuần	146.218.319.532	146.596.171.431	377.851.899
Lợi nhuận từ hoạt động KD	2.365.351.342	8.665.853.915	6.300.502.573
Lợi nhuận khác	(170.274.910)	105.418.252	275.693.162
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.195.07.432	8.771.272.167	8.551.764.735
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	87	523	436

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán :			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.02	0.42	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.82	0.26	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.75	0.74	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.99	2.85	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
+ Doanh thu thuần/tổng tài sản	0.29	0.29	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời :			
+ Hệ số LNST/DTT	0.057	0.012	
+ Hệ số LNST/ VCSH	0.063	0.014	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	0.016	0.004	
+ Hệ số LN từ HĐKD/DTT	0.34	0.22	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Cổ phần :**

- Tổng số cổ phần : 15.076.177 cổ phần;
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 15.076.177 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông :

Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP được thành lập dựa trên vốn góp của hai cổ đông lớn là Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO (VIPCO) và Công ty cổ phần Hoá dầu Petrolimex (nay là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP), cùng với các cổ đông cá

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

nhân khác là các cán bộ công nhân viên của hai Công ty trên. Cơ cấu cổ đông của Công ty bao gồm:

TT	Danh mục	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	13.400.000	88.88
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	13.400.000	88.88
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	0	0
2	Cổ đông cá nhân	1.676.177	11.12
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	1.676.177	11.12
	Tổng cộng	15.076.177	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu :

Trong năm 2015 không thay đổi;

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ :

Trong năm 2015 không có giao dịch cổ phiếu quỹ;

e. Các chứng khoán khác :

Không có chứng khoán khác

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Tổng quan về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015

Đặc điểm tình hình trong năm 2015

- Thuận lợi :

+ Nhu cầu nhựa đường luôn luôn ở mức cao;

+ Giá nhiên liệu thấp hơn 2014 và đặc biệt giảm mạnh vào cuối năm.

- Khó khăn :

+ Tỷ giá biến động (tăng) mạnh, làm tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng tới kết quả hạch toán của Công ty.

Kết quả đạt được :

- Tổng doanh thu dịch vụ vận tải : 145,7 vượt kế hoạch trên 8,3 tỷ (5,72%);

- Lợi nhuận sau thuế đạt 8,77 tỷ vượt trên 4,2 tỷ (48,13%);

- Chi phí vốn hoạt động khai thác tàu đạt trên 96,3 tỷ, giảm 6,1 tỷ (6,3%);
- Chi phí tài chính : 37,4 tỷ. Tăng 11,7 tỷ so với kế hoạch năm 2015 (31,5%) trong đó riêng chi phí do tăng tỷ giá là 19,7 tỷ. Tăng 13,1 tỷ so với kế hoạch (66,1%)

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty trong năm :

- Công tác quản lý, khai thác hai tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 đảm bảo an toàn, hiệu quả. Hai tàu thực hiện 71 chuyến hàng; Tàu VP ASPHALT 1 hoàn thành việc kiểm tra kỹ thuật định kỳ lần đầu theo qui định trong tháng 7/2015;
- Công tác nhân sự : Chưa có thay đổi về mô hình, bộ máy điều hành của công ty. Tổng số lao động trong công ty tính đến 31/12/2015 là 8 lao động - tăng 1 lao động so với đầu kỳ do từ Tháng 3/2015 Công ty đã tuyển dụng thêm một nhân sự để đảm nhiệm công việc tổng hợp, quản lý và lưu trữ hồ sơ của hai bộ phận Kỹ thuật vật tư và Khai thác tàu;
- Thực hiện trích và sử dụng quỹ tiền lương theo đúng kế hoạch đã được HĐQT giao.
- Công tác Tài chính kế toán : Trong năm 2015, không phát sinh công nợ phải thu khó đòi; Trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng đúng kế hoạch (tổng số 2.734.513 USD, trong đó 1.950.000 USD nợ gốc và 784.513 USD lãi vay); Sử dụng, luân chuyển vốn linh hoạt, hạn chế tối đa việc vay vốn lưu động từ ngân hàng.

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Thành lập từ tháng 3 năm 2008, là một doanh nghiệp hoàn toàn mới và tiếp nhận dự án đóng tàu từ hai cổ đông sáng lập là VIPCO và PLC, đến nay Công ty đang vận hành với bộ máy quản lý gồm các phòng ban chuyên trách, xây dựng được các quy chế, quy trình hoạt động trong Công ty. Công ty đã hoàn thành đóng mới 02 tàu chở nhựa đường lỏng, trọng tải 2.800 DWT với chất lượng tốt, được khách hàng (người thuê tàu) trong khu vực Đông Nam Á tin nhiệm và tin dùng. Hai tàu đã được đưa vào khai thác từ cuối năm 2012, đầu năm 2013 và đến nay đã đạt được hiệu quả tốt trong lĩnh vực kinh doanh vận tải biển.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	-	516.421.809.071	516.421.809.071
Tăng khác	36.423.775	45.000.351.865	45.036.775.640
Tại ngày 31/12/2015	36.423.775	561.422.160.936	561.458.584.711
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	46.562.812.647	46.562.812.647
Khấu hao trong năm	-	24.001.350.114	24.001.350.114
Tăng khác	36.423.775	-	36.423.775
Tại ngày 31/12/2015	36.423.775	70.564.162.761	70.600.586.536
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	-	469.858.996.424	469.858.996.424
Tại ngày 31/12/2015	-	490.857.998.175	490.857.998.175

Cuối năm 2015, sau khi hoàn thành quyết toán dự án đầu tư đóng mới 02 tàu chở nhựa đường lỏng trọng tải 2800 DWT, tổng giá trị của 2 tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 đã được đánh giá lại, tăng 45 tỷ so với giá trị tạm tính tại ngày 01/01/2015. Hai tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 là tài sản cố định dùng để thế chấp cho khoản vay tài trợ dự án đóng mới này. Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 490.617.417.273 đồng.

b. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ :

Tổng Nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty vượt quá tổng Tài sản ngắn hạn với số tiền là 27.189.717.621 đồng. Khoản nợ ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn chủ yếu là do khoản nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà tăng trong năm do giá trị quyết toán vốn đầu tư của hai tàu VP1 và VP2 (số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.381.193.869 đồng, chiếm 42% tổng nợ ngắn hạn). Đối với dự án đóng tàu VP1 và VP2 Công ty nhận được tài trợ vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đồng Đa thông qua hợp đồng tín dụng số 062010/VP/HDTDDH ngày 09/9/2010 với tổng hạn mức vay là 19.646.604 USD. Số tiền ngân hàng tiếp tục giải ngân cho dự án sau thời điểm 31/12/2015 là 733.158,22 USD (tương đương 16.510.723.114 đồng). Công ty đã được Ngân hàng thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội cấp hạn mức tín dụng cho năm 2016 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.1346/2015/HĐTDHM-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

DN/PGBHN ngày 30/12/2015 số tiền là 10 tỷ đồng. Ngoài ra, theo kế hoạch của Ban Giám đốc trong năm 2016 giá dầu có xu hướng giảm nên khả năng Công ty giảm được chi phí và tăng lợi nhuận đủ bù đắp cho phần vốn lưu động còn thiếu.

Các khoản nợ của Công ty được thể hiện trong các bảng sau :

Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà	19.381.193.869	19.381.193.869	-	-
- Petrolimex Singapore Pte Ltd	-	-	3.870.320.700	3.870.320.700
- Công ty CPTM Phương Tiến Đạt	-	-	2.360.466.250	2.360.466.250
- Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	6.074.016.733	6.074.016.733	589.374.942	589.374.942
Cộng	26.751.210.602	26.751.210.602	8.116.161.892	8.116.161.892

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	13.072.993.078	13.072.993.078	-	-
Cộng	13.072.993.078	13.072.993.078	-	-

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn này là khoản nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm được tách ra từ khoản vay dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	5.179.600.000	5.179.600.000	15.393.600.000	15.393.600.000
Cộng	5.179.600.000	5.179.600.000	15.393.600.000	15.393.600.000

Vay và nợ dài hạn

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Trong vòng một năm	5.179.600.000	5.179.600.000	-	15.393.600.000	15.393.600.000	15.393.600.000
Trong năm thứ hai	31.753.200.000	31.753.200.000	-	26.692.650.000	31.214.800.000	31.214.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	106.294.400.000	106.294.400.000	-	-	97.706.600.000	97.706.600.000
Sau năm năm	193.524.398.515	193.524.398.515	19.764.800.000	-	198.266.270.345	198.266.270.345
Cộng (*)	336.751.598.515	336.751.598.515	19.764.800.000	42.086.250.000	342.581.270.345	342.581.270.345

Nợ xấu phải trả, ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá, lãi vay đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Tất cả các khoản nợ của Công ty đều có khả năng thanh toán, Công ty không có nợ xấu. Năm 2015, các khoản lãi tiền vay của Công ty đều trong tầm kiểm soát. Quý IV/2015, Công ty đã đàm phán giảm lãi suất tiền vay từ 5,0%/năm xuống còn 4,5%/năm giảm được chi phí lãi vay. Tuy nhiên, biến động tăng của tỷ giá trong năm 2015 đã tăng chi phí tài chính lên rất nhiều, ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể, năm 2015, lỗ chênh lệch tỷ giá tăng lên 12 tỷ so với năm 2014, được thể hiện như sau :

Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	17.697.049.414	20.780.148.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.789.015.902	7.701.348.852
Cộng	37.486.065.316	28.481.497.495

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2015, Công ty không có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty tiếp tục áp dụng mô hình bộ máy quản lý tiên tiến, gọn nhẹ, hiệu quả, xây dựng các quy

trình thanh toán linh hoạt, điều hành xử lý các công việc, sự cố phát sinh nhanh chóng và hiệu quả.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Triển vọng

Việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là mạng lưới giao thông đường bộ là một trong những khâu then chốt, gắn liền với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Khu vực Nam Á và Đông Nam Châu Á được đánh giá là thị trường năng động, đang phát triển và có tỷ lệ tăng trưởng trung bình hàng năm khá cao. Các nước có hệ thống giao thông đường bộ chưa hoàn thiện như Việt Nam, Philipine, Campuchia, Myanmar... hàng năm đang phải nhập khẩu sản phẩm nhựa đường với khối lượng lớn từ các quốc gia có ngành công nghiệp chưng cất dầu mỏ (sản xuất được nhựa đường) như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Đài Loan... Do vậy, nảy sinh nhu cầu vận chuyển sản phẩm này giữa các quốc gia, thậm chí nhu cầu này còn rất lớn ngay cả đối với các quốc gia sản xuất được nhựa đường nhưng có vùng lãnh thổ rộng lớn và bờ biển dài như Trung Quốc, Indonesia...

Thị trường Việt Nam

- Thống kê và dự báo tổng khối lượng nhựa đường lỏng nhập khẩu vào Việt Nam của các nhà cung cấp vào khoảng xấp xỉ 800.000 tấn/năm

Thị trường Quốc tế - khu vực Trung Quốc và Đông Nam Á

- Dự báo nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa đường lỏng của một số nước trong khu vực hàng năm cho đến nhu cầu vận tải nhựa đường lỏng trong khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc là rất lớn khoảng trên 4 triệu tấn/năm.

- Với nhu cầu trên, mục tiêu chính của Công ty là xây dựng đội tàu vận tải hóa dầu trong nước và quốc tế mà trước mắt tập trung vào đội tàu nhựa đường. Công ty tin tưởng rằng trong tương lai, đội tàu của Công ty sẽ đáp ứng được nhu cầu vận tải mặt hàng nhựa đường lỏng chuyên dụng và đặc thù này không chỉ trong nước mà cả trên các tuyến quốc tế giúp tăng thu nhập, giảm chi phí cho các đơn vị nhập khẩu nhựa đường trong nước, nâng cao vị thế của Chủ tàu Việt Nam trong khu vực.

b. Kế hoạch trong tương lai

Với mục tiêu là nhà vận tải nhựa đường lỏng chuyên nghiệp kết hợp với phát triển ngành nghề môi giới và mua bán tàu biển, cùng với thực tế khai thác hai con tàu VP ASPHALT

1 và VP ASPHALT 2 trong giai đoạn 2013-2015, và những thành quả đạt được qua quá trình khai thác, Công ty có thể tiếp tục đầu tư các loại tàu mới đáp ứng đủ nhu cầu vận chuyển cho các công ty nhập khẩu nhựa đường, hóa chất, sản phẩm hóa dầu trong nước và mở rộng thị trường vận tải nhựa đường ra khu vực Đông Nam Á. Nam Á.

Kế hoạch giai đoạn 2016-2020 : Trên cơ sở đội tàu hiện có kết hợp với nghiên cứu thị trường tàu nhựa đường trong khu vực, Công ty sẽ nghiên cứu để triển khai đầu tư tàu chở nhựa đường với trọng tải lớn hơn (từ 4.000 DWT-5.000 DWT) đồng thời phát triển dịch vụ môi giới, logistic và mua bán tàu biển.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn toàn là hoạt động vận doanh khai thác hai con tàu chở nhựa đường lỏng VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2.

- Đầu năm 2015, căn cứ tình trạng thực tế của thị trường vận tải biển, tình trạng tài chính và nguồn vốn, cơ cấu vốn của Công ty, Hội đồng quản trị đã tạm giao các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Công ty thông qua quyết định số 0415/VP-QĐ-HĐQT và đã được Đại hội cổ đông thông qua với mục tiêu lợi nhuận là 4,54 tỷ.

- Trong năm 2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều thuận lợi khi nhu cầu nhựa đường luôn cao, chi phí nhiên liệu giảm sâu nhưng tỷ giá tăng mạnh ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả kinh doanh của Công ty. Dưới sự chỉ đạo của Ban điều hành và sự nỗ lực, đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên, kết thúc năm, Công ty đã đạt được kết quả rất khả quan, Lợi nhuận sau thuế đạt 8,77 tỷ vượt trên 4,2 tỷ (48,13%) so với kế hoạch. Hai tàu được khai thác liên tục, ngoài thời gian tàu VP ASPHALT 1 lên đà kiểm tra định kỳ kỹ thuật vào tháng 7/2015, hai tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 đều khai thác hết ngày tàu tốt.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Giám đốc Công ty

Thông qua các cuộc họp HĐQT, bằng các nghị quyết, quyết định, công văn, HĐQT đã giao nhiệm vụ và giám sát Giám đốc cùng các bộ phận trong Công ty thực hiện. Qua một năm làm việc, HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Giám đốc Công ty như sau :

- Giám đốc đã có phân công rõ ràng công việc, nhiệm vụ cho các phòng ban và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban đánh giá kết quả thực hiện được trong tuần qua và kế hoạch làm việc cho tuần tiếp theo;
- Giám đốc cũng nhận thức được rõ những khó khăn và thuận lợi của Doanh nghiệp nên đã triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ các quy định trong Điều lệ Công ty và các văn bản Luật hiện hành;
- Với hoạt động khai thác và cho thuê tàu, Giám đốc Công ty đã hoàn thành và không để xảy ra chậm thanh toán cước hoặc những rủi ro, tranh chấp hợp đồng vận chuyển;
- Nắm bắt được nhu cầu của thị trường và với mục tiêu phát triển Công ty, Giám đốc cũng đã chủ động đề xuất phương án đầu tư tàu chở nhựa đường lỏng trọng tải 5.000 DWT trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Giám đốc Công ty cũng đã thực hiện quy trình báo cáo, cung cấp thông tin tới HĐQT định kỳ hàng quý và khi cần thiết đề xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị kịp thời.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- + Chỉ đạo Ban điều hành lập, hoàn thiện báo cáo dự án đầu tư tàu chở nhựa đường lỏng trọng tải 5.000 DWT; Chào mời các đối tác góp vốn đầu tư và triển khai các công việc nhằm đầu tư phát triển Công ty;
- + Nắm bắt kịp thời tình hình kinh tế, những chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ Việt Nam và các nước trong khu vực để điều chỉnh, bổ sung kịp thời công tác quản lý, điều hành;
- + Quan tâm, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập chính đáng của người lao động trong Công ty;
- + Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, qui chế quản trị Công ty, đồng thời tiếp tục rà soát Điều lệ, các qui chế quản lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với luật pháp và các qui định của nhà nước.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHCĐ.

a. Các thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Chức danh tại Công ty khác
1	Ô. Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch	0	UV HĐQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP
2	Ô. Nguyễn Đình Thanh	Phó CT	0.0107	UV HĐQT Công ty CP vận tải Xăng dầu VIPCO
3	Ô. Đặng Minh Thao	Ủy viên - GD điều hành Công ty	0.0332	
4	Ô. Ngô Đức Giang	Ủy viên	0.0176	Phó TGD - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP
5	Ô. Nguyễn Quang Minh	Ủy viên - TV HĐQT độc lập	0.0215	Trưởng phòng Khai thác Thuê tàu - Công ty CP vận tải Xăng dầu Vipco

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

❖ Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên

Năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên, thông qua các nội dung thường niên và thông qua việc lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đồng thời đăng ký giao dịch chứng khoán của Công ty trên thị trường UPCOM.

❖ Hợp Hội đồng quản trị

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành đầy đủ 4 cuộc họp HĐQT định kỳ trong năm và 3 lần xin ý kiến bằng văn bản để quyết định và chỉ đạo Công ty thực hiện các nội dung sau :

+ Triệu tập ĐHCĐ thường niên năm 2015 vào ngày 25/6/2015;

- + Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế IFC;
- + Thông qua chủ trương lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và giao cho Ông Nguyễn Đình Thanh - PCT HĐQT chịu trách nhiệm chỉ đạo lập phương án, báo cáo HĐQT;
- + Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Quốc tế (IFC);
- + Giao Giám đốc Công ty làm việc với đơn vị thẩm định quyết toán dự án đầu tư 2 tàu chở nhựa đường 2.800 DWT để hoàn thiện các báo cáo liên quan trình HĐQT và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư tàu chở nhựa đường lồng cỡ tàu từ 4.000DWT đến 5.000DWT;
- + Thông qua việc đăng ký giao dịch chứng khoán của Công ty trên sàn UPCOM trong quý IV/2015 với mã chứng khoán là VPA và giá tham chiếu trong phiên giao dịch đầu tiên là 10.000 đ/cổ phiếu;
- + Thanh toán cho Công ty TNHH MTV đóng tàu Hồng Hà trước khi phê duyệt quyết toán số tiền tương ứng với 50% nợ phải trả theo số liệu quyết toán trong Báo cáo tư vấn thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành do Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam phát hành;
- + Giao Giám đốc Công ty làm việc với ngân hàng để thực hiện gia hạn thời gian giải ngân khoản còn lại trong tổng khoản cam kết mà ngân hàng đã cam kết cấp vốn cho dự án của Công ty đến ngày 30/06/2016;
- + Các thành viên HĐQT có trách nhiệm khẩn trương rà soát Quyết toán dự án đầu tư theo tờ trình của Giám đốc Công ty để thực hiện phê duyệt quyết toán tại phiên họp HĐQT tiếp theo;
- + Giao Giám đốc Công ty hoàn thiện Đề án đầu tư tàu vận chuyển nhựa đường trọng tải đến 5.000 DWT, trình HĐQT xem xét phê duyệt.

c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành

Ông Nguyễn Quang Minh là thành viên HĐQT độc lập của Công ty, không tham gia điều hành. Ông Nguyễn Quang Minh tham mưu cho HĐQT về các lĩnh vực : Quản lý khai thác đội tàu; Thuê tàu; Đoàn thể và các tổ chức xã hội; Bảo hiểm và pháp chế hàng hải; Hiện nay, Ông Nguyễn Quang Minh đang đảm nhiệm chức danh Trưởng phòng Khai thác Thuê tàu của Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO.

2. Ban Kiểm soát (BKS)

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. BKS hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong

hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, BKS của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCD bầu ra. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

❖ **Các thành viên Ban kiểm soát**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hảo	Trưởng Ban	20/12/2013	1.620	0.0107
2	Ông Nguyễn Hữu Thành	Ủy viên	20/12/2013	0	0
3	Ông Nguyễn Chiến Thắng	Ủy viên	20/12/2013	5.700	0.0378

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015

Trong năm 2015, được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty cùng các phòng ban trong Công ty, BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động. BKS đã tổ chức họp, kiểm tra định kỳ tại Công ty để thực hiện các công việc như sau :

- + Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- + Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị;
- + Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao;
- + Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm;
- + Kiến nghị, đề xuất hoàn thiện các quy trình kiểm soát nội bộ để nâng cao công tác quản lý trong Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngoài ra, các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, tiếp khách và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

- Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được khen thưởng về những thành tích đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty;
- Trong năm 2015, thù lao HĐQT và BKS được ĐHCĐ thông qua như sau :
 - + Chủ tịch HĐQT : Hệ số 0.6 tính trên mức lương bình quân tháng trong năm của người lao động trong Công ty;
 - + Phó chủ tịch HĐQT : Hệ số 0.5 tính trên mức lương bình quân tháng trong năm của người lao động trong Công ty;
 - + Ủy viên HĐQT, Trưởng BKS : Hệ số 0.4 tính trên mức lương bình quân tháng trong năm của người lao động trong Công ty;
 - + Ủy viên BKS: Hệ số 0.3 tính trên mức lương bình quân tháng trong năm của người lao động trong Công ty.
- Tổng thù lao của các Thành viên HĐQT và BKS năm 2015 không tham gia điều hành là 622.363.200 đ và Lương, thưởng, thù lao cho TV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty là 464.352.385 đ.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số : 13.03/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi **Các cổ đông**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần vận tải Hoá dầu VP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 08 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình

bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần vận tải hóa dầu VP tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tổng Nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty vượt quá tổng Tài sản ngắn hạn với số tiền là 27.189.717.621 đồng. Lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 18.761.670.713 đồng. Các yếu tố này gây ra nghi ngờ về tính hoạt động liên tục của Công ty. Khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn chủ yếu là do khoản nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà tăng trong năm do giá trị quyết toán vốn đầu tư của hai tàu VP1 và VP2 (số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.381.193.869 đồng, chiếm 42% tổng nợ ngắn hạn). Đối với dự án đóng tàu VP1 và VP2 Công ty nhận được tài trợ vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đồng Đa thông qua hợp đồng tín dụng số 062010/VP/HDTDDH ngày 09 tháng 09 năm 2010 với tổng hạn mức vay là 19.646.604 USD. Số tiền ngân hàng tiếp tục giải ngân cho dự án sau thời điểm 31/12/2015 là 733.158,22 USD (tương đương 16.510.723.114 đồng). Đồng thời, Công ty đã được ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex - chi nhánh Hà Nội cấp hạn mức tín dụng cho năm 2016 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.1346/2015/HĐTDHM -DN/PGBHN ngày 30 tháng 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

2015 số tiền là 10 tỷ đồng. Ngoài ra, theo kế hoạch của Ban Giám đốc trong năm 2016 giá dầu có xu hướng giảm nên khả năng Công ty giảm được chi phí và tăng lợi nhuận đủ bù đắp cho phần vốn lưu động còn thiếu. Do đó, Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 08 tháng 03 năm 2016

Tạ Hải Ninh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1613-2013-072-01

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 Năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19,504,981,079	25,562,627,145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,205,554,315	9,969,298,139
1. Tiền	111	V.1	1,205,554,315	4,969,298,139
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5,000,000,000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		736,836,683	7,797,843,671
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		11,971,238	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	415,973,176	6,794,584,576
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	308,892,269	1,003,259,095
III. Hàng tồn kho	140	V.4	7,290,232,404	4,986,872,825
1. Hàng tồn kho	141		7,290,232,404	4,986,872,825
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		10,272,357,677	2,808,612,510
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	733,865,910	420,815,957
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9,538,491,767	2,387,796,553
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		491,667,308,676	473,032,266,605
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		81,730,578	81,730,578
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	81,730,578	81,730,578
II. Tài sản cố định	220		490,857,998,175	469,858,996,424
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	490,857,998,175	469,858,996,424
- Nguyên giá	222		561,458,584,711	516,421,809,071
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70,600,586,536)	(46,562,812,647)
III. Tài sản dài hạn khác	260		727,579,923	3,091,539,603
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	727,579,923	2,398,367,746
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	693,171,857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		511,172,289,755	498,594,893,750

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		378.266.697.215	373.620.103.281
I. Nợ ngắn hạn	310		46.694.698.700	25.134.534.775
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	26.751.210.602	8.116.161.892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	13.072.993.078	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		26.500.000	10.401.583
3. Phải trả người lao động	314		561.807.124	79.250.609
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		583.367.617	946.847.260
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		515.438.873	580.492.025
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	5.179.600.000	15.393.600.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.781.406	7.781.406
II. Nợ dài hạn	330		331.571.998.515	348.485.568.506
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	21.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	331.571.998.515	327.187.670.345
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	297.898.161
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132.905.592.540	124.974.790.469
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	132.905.592.540	124.974.790.469
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.761.770.000	150.761.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.761.770.000	150.761.770.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		905.029.707	905.029.707
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.761.207.167)	(26.692.009.238)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(27.137.205.638)	(28.448.070.384)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.375.998.471	1.756.061.146
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		511.172.289.755	498.594.893.750



Trần Thị Nga
Người lập biểu



Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng



Đặng Minh Thao
Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

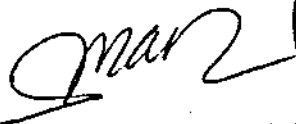
Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	145.710.032.857	143.884.855.350
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		145.710.032.857	143.884.855.350
3. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	96.331.174.907	112.337.619.311
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.378.857.950	31.547.236.039
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	886.138.574	2.333.464.182
6. Chi phí tài chính	22	VL.4	37.486.065.316	28.481.497.495
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.697.049.414	20.780.148.643
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.113.077.293	3.033.851.384
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.665.853.915	2.365.351.342
9. Thu nhập khác	31	VL.5	2.152.824.172	2.327.454.630
10. Chi phí khác	32	VL.6	2.047.405.920	2.497.729.540
11. Lợi nhuận khác	40		105.418.252	(170.274.910)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.771.272.167	2.195.076.432
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VL.7	395.273.696	439.015.286
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.375.998.471	1.756.061.146
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.8	523	87



Trần Thị Nga
Người lập biểu



Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng



Dặng Minh Thao
Giám đốc


Ngày 08 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

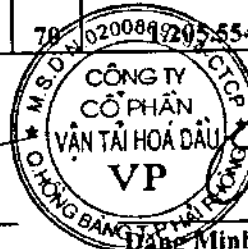
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

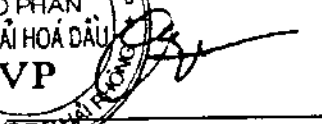
Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
1	2	4	5
L. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.771.272.167	2.195.076.432
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	24.001.350.114	23.599.695.498
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	16.515.104.200	4.729.294.507
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(52.063.410)	-
Chi phí lãi vay	06	17.697.049.414	20.780.148.643
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	66.932.712.485	51.304.215.080
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(734.808.226)	(4.979.982.513)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.303.359.579)	(809.121.769)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.123.689.159)	10.969.980.454
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.357.737.870	1.000.706.674
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.219.774.285)	(20.751.114.366)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.180.543.769	2.135.214.221
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.047.405.920)	(2.650.897.908)
	20	42.041.956.955	36.218.999.873
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(28.535.454.545)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.063.410	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.483.391.135)	-
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.764.800.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(42.086.250.000)	(43.094.641.089)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.430.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.321.450.000)	(43.097.071.089)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(8.762.884.180)	(6.878.071.216)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.969.298.139	16.839.447.110
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(859.644)	7.922.245
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.205.554.315	9.969.298.139


Trần Thị Nga
Người lập biểu


Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng




Đặng Minh Thao
Giám đốc
Ngày 08 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2008.

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP được thành lập bởi 03 cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (PLC), Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (VIPCO) và Ông Nguyễn Quang Minh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0200809454 thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 04 năm 2014, Công ty có vốn điều lệ là 150.761.770.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ bảy trăm sáu mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8 người (31 tháng 12 năm 2014 là 7 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hoạt động chính của Công ty là: vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện phát sinh trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 883/QĐ-SGDHN với những nội dung sau:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

- Mã chứng khoán: VPA
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 15.076.177 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 150.761.770.000 đồng

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một đơn vị hoạt động duy nhất tại trụ sở Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính, tổng Nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty vượt quá tổng Tài sản ngắn hạn với số tiền là 27.189.717.621 đồng. Lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 18.761.670.713 đồng. Các yếu tố này gây ra nghi ngờ về tính hoạt động liên tục của Công ty.

Khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn chủ yếu là do khoản nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà tăng trong năm do giá trị quyết toán vốn đầu tư của hai tàu VP1 và VP2 (số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.381.193.869 đồng, chiếm 42% tổng nợ ngắn hạn). Đối với dự án đóng tàu VP1 và VP2 Công ty nhận được tài trợ vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đồng Đa thông qua hợp đồng tín dụng số 062010/VP/HĐTDDH ngày 09 tháng 09 năm 2010 với tổng hạn mức vay là 19.646.604 USD. Số tiền ngân hàng tiếp tục giải ngân cho dự án sau thời điểm 31/12/2015 là 733.158,22 USD (tương đương 16.510.723.114 đồng). Đồng thời, Công ty đã được ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex - chi nhánh Hà Nội cấp hạn mức tín dụng cho năm 2016 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.1346/2015/HĐTDHM -DN/PGBHN ngày 30 tháng 12 năm 2015 số tiền là 10 tỷ đồng. Ngoài ra, theo kế hoạch của Ban Giám đốc trong năm 2016 giá dầu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

có xu hướng giảm nên khả năng Công ty giảm được chi phí và tăng lợi nhuận đủ bù đắp cho phần vốn lưu động còn thiếu. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: nhật ký chung trên máy tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

hàng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỉ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của hai tàu VP1 và VP2 đã được Bộ tài chính phê duyệt theo công văn số 9426/BTC-TCDN ngày 13 tháng 07 năm 2015. Theo đó, Công ty thực hiện trích khấu hao đối 02 tàu VP1 và VP2 với thời gian là 22 năm (theo quy định của pháp luật hiện hành, thời gian khấu hao tối đa đối với 02 tài sản trên là 15 năm).

Thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	04 - 22
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

Các khoản chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm, công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ ba tháng trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Công văn số 1099/CT-TT&HT ngày 29 tháng 07 năm 2008 của Cục thuế Hải Phòng, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi dự án đầu tư vào ngành vận tải hàng hoá viễn dương có thu nhập chịu thuế. Công ty được hưởng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi đầu tư vào ngành vận tải hàng hoá viễn dương có doanh thu. Năm 2012 là năm đầu tiên có doanh thu, năm 2014 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ hoạt động vận tải. Do đó năm 2015 là năm Công ty được thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	81.348.733	273.590.329
Tiền gửi ngân hàng	1.124.205.582	4.695.707.810
Cộng	1.205.554.315	4.969.298.139

2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty TNHH TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà	-	6.000.000.000
- KUDRAT MARITIME MALAYSIA SDN BHD	99.826.881	175.419.907
- Đại lý V.Ship Hansen	89.251.264	135.809.181
- PT BUANA LISTYA TAMA	130.818.680	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	96.076.351	483.355.488
Cộng	415.973.176	6.794.584.576

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	192.689.069	-	215.026.095	-
Phải thu tiền bồi thường của bảo hiểm	-	-	788.233.000	-
Phải thu khác	116.203.200	-	-	-
Cộng	308.892.269	-	1.003.259.095	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Ký cược ký quỹ dài hạn	81.730.578	-	81.730.578	-
Cộng	81.730.578	-	81.730.578	-

4. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.047.034.566	-	4.962.172.825	-
Công cụ, dụng cụ	20.480.000	-	24.700.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	222.717.838	-	-	-
Cộng	7.290.232.404	-	4.986.872.825	-

5. Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	-	516.421.809.071	516.421.809.071
Tăng khác	36.423.775	45.000.351.865	45.036.775.640
Tại ngày 31/12/2015	36.423.775	561.422.160.936	561.458.584.711
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	46.562.812.647	46.562.812.647
Khấu hao trong năm	-	24.001.350.114	24.001.350.114
Tăng khác	36.423.775	-	36.423.775
Tại ngày 31/12/2015	36.423.775	70.564.162.761	70.600.586.536
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	-	469.858.996.424	469.858.996.424
Tại ngày 31/12/2015	-	490.857.998.175	490.857.998.175

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 490.617.417.273 đồng

6. Chi phí trả trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí mua bảo hiểm chờ phân bổ	729.361.910	409.387.957
- Chi phí trả trước khác	4.504.000	11.428.000
Cộng	733.865.910	420.815.957
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	727.579.923	82.986.583
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư chờ phân bổ	-	2.315.381.163
Cộng	727.579.923	2.398.367.746

7. Phải trả người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH				
TNHH MTV Đóng	19.381.193.869	19.381.193.869	-	-
tàu Hồng Hà				
- Petrolimex	-	-	3.870.320.700	3.870.320.700
Singapore Pte Ltd				
- Công ty CPTM	-	-	2.360.466.250	2.360.466.250
Phương Tiến Đạt				
- Công ty CP vận tải	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000
xăng dầu VIPCO				
- Phải trả cho các đối	6.074.016.733	6.074.016.733	589.374.942	589.374.942
tượng khác				
Cộng	26.751.210.602	26.751.210.602	8.116.161.892	8.116.161.892

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty CP vận tải	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000
xăng dầu VIPCO				
- Chi nhánh Công ty				
TNHH VIPCO Hạ	118.993.901	118.993.901	-	-
Long tại Hải Phòng				
- Công ty TNHH	1.795.311.000	1.795.311.000	-	-
VIPCO Hạ Long				
- Công ty TNHH	847.076.099	847.076.099	-	-
thuyền viên VIPCO				
Cộng	4.057.381.000	4.057.381.000	1.296.000.000	1.296.000.000

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty TNHH Nhựa	13.072.993.078	13.072.993.078	-	-
đường Petrolimex				
Cộng	13.072.993.078	13.072.993.078	-	-

9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

Vay ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	5.179.600.000	5.179.600.000	15.393.600.000	15.393.600.000
Cộng	5.179.600.000	5.179.600.000	15.393.600.000	15.393.600.000

(*) khoản nợ dài hạn đến hạn trả được tách ra từ khoản vay dài hạn dưới đây

Vay dài hạn

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu trả nợ vay như sau

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.179.600.000	15.393.600.000
Trong năm thứ hai	31.753.200.000	31.214.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	106.294.400.000	97.706.600.000
Sau năm năm	193.524.398.515	198.266.270.345
Cộng	336.751.598.515	342.581.270.345
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả trong vay ngắn hạn	5.179.600.000	15.393.600.000
Cộng	331.571.998.515	327.187.670.345

Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 062010/VP/HĐTDDH, bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đồng Đa. Tổng hạn mức vay là 19.646.604 USD (trong đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex là 8.506.604 USD và Ngân hàng Indovina là 11.140.000 USD), thời gian vay tối đa là 120 tháng kể từ lần rút vốn đầu tiên, lãi suất cho vay theo lãi suất trung bình của lãi suất tiết kiệm huy động tiền gửi dân cư bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng loại trả sau của Ngân hàng Indovina và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. Mục đích vay để thanh toán khoản tiền đóng tàu tại Công ty Hồng Hà, các chi phí thiết bị cung cấp cho công ty đóng tàu và các chi phí khác liên quan đến Dự án. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ con tàu hình thành từ khoản vay do Ngân hàng tài trợ và vốn tự có của Công ty. Thời gian ân hạn là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với tàu số 1 (VP1) và 24 tháng đối với tàu số 2 (VP2), lãi sẽ được tự động nhập gốc. Thời gian thanh toán số dư nợ gốc của các khoản vay là ba tháng một lần, bắt đầu từ ngày 26 của tháng thứ 30 kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi vay trả vào ngày 27 hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

10. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	150.761.770.000	905.029.707	(28.264.500.384)	123.402.299.323
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	1.756.061.146	1.756.061.146
Phân phối lợi nhuận	-	-	(183.570.000)	(183.570.000)
Số dư tại ngày 01/01/2015	150.761.770.000	905.029.707	(26.692.009.238)	124.974.790.469
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	8.375.998.471	8.375.998.471
Phân phối lợi nhuận	-	-	(445.196.400)	(445.196.400)
Số dư tại ngày 31/12/2015	150.761.770.000	905.029.707	(18.761.207.167)	132.905.592.540

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	Tỷ lệ %	01/01/2015 VND	Tỷ lệ %
Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	68.000.000.000	45,10%	68.000.000.000	45,10%
Công ty cổ phần hóa dầu Petrolimex	66.000.000.000	43,78%	66.000.000.000	43,78%
Các cổ đông khác	16.761.770.000	11,12%	16.761.770.000	11,12%
Cộng	150.761.770.000	100%	150.761.770.000	100%

10. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)***Cổ phiếu***

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.076.177	15.076.177
- Cổ phiếu phổ thông	15.076.177	15.076.177
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.076.177	15.076.177
- Cổ phiếu phổ thông	15.076.177	15.076.177
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty mới kết thúc quá trình đầu tư và đi vào hoạt động vì vậy Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là vận tải hàng hóa. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có duy nhất trụ sở đặt tại phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và không có văn phòng hay chi nhánh tại các địa điểm khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.710.032.857	143.884.855.350
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	145.710.032.857	143.884.855.350

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	96.331.174.907	112.337.619.311
Cộng	96.331.174.907	112.337.619.311

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.063.410	39.690.436
Lãi chênh lệch tỷ giá	760.119.816	2.293.773.746
Doanh thu hoạt động tài chính khác	73.955.348	-
Cộng	886.138.574	2.333.464.182

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	17.697.049.414	20.780.148.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.789.015.902	7.701.348.852
Cộng	37.486.065.316	28.481.497.495

5. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Bảo hiểm bồi thường khác phụ sự cố tàu	2.152.824.172	2.327.454.630
Cộng	2.152.824.172	2.327.454.630

6. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí khác phục sự cố tàu	2.047.405.920	2.493.729.540
Các khoản khác	-	4.000.000
Cộng	2.047.405.920	2.497.729.540

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu	(297.898.161)	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	693.171.857	439.015.286
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	395.273.696	439.015.286

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	8.375.998.471	1.756.061.146
Trừ: Trích thù lao HĐQT ước tính	(488.949.570)	(445.196.400)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.887.048.901	1.310.864.746
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.076.177	15.076.177
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	523	87

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.473.582.663	55.328.785.526
Chi phí nhân công	12.545.619.626	9.966.721.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.001.350.114	23.599.695.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.150.152.934	17.452.370.087
Chi phí khác bằng tiền	28.273.546.863	9.023.898.243
Cộng	100.444.252.200	115.371.470.695

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại V.6 “*Vay và nợ dài hạn*” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. “*Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu*”.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.205.554.315	9.969.298.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	402.594.085	1.084.989.673
Cộng	1.689.878.978	11.136.018.390
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	336.751.598.515	342.581.270.345
Phải trả người bán và phải trả khác	27.266.649.475	580.492.025
Chi phí phải trả	583.367.617	946.847.260
Cộng	364.601.615.607	344.108.609.630

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đồng đô la Mỹ (USD)	350.170.215.774	346.618.326.182	1.007.364.834	3.962.554.448
Đồng Đô la Singapor	801.048.084	20.611.584	-	961.833.761
Đồng tiền (EUR)	333.403.670	-	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền & các khoản tương đương tiền	1.205.554.315	-	-	1.205.554.315
Phải thu khách hàng và phải thu khác	320.863.507	81.730.578	-	402.594.085
Cộng	1.526.417.822	81.730.578	-	1.608.148.400
31/12/2015				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	5.179.600.000	138.047.600.000	193.524.398.515	143.227.200.000
Phải trả người bán và phải trả khác	27.266.649.475	-	-	27.266.649.475
Chi phí phải trả	583.367.617	-	-	583.367.617
Cộng	33.029.617.092	138.047.600.000	193.524.398.515	171.077.217.092
Chênh lệch thanh khoản thuần	(31.503.199.270)	(137.965.869.422)	(193.524.398.515)	(169.469.068.692)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015				
Tiền & các khoản tương đương tiền	9.969.298.139	-	-	9.969.298.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.003.259.095	81.730.578	-	1.084.989.673
Cộng	10.972.557.234	81.730.578	-	11.054.287.812
01/01/2015				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	15.393.600.000	128.921.400.000	198.266.270.345	342.581.270.345
Phải trả người bán và phải trả khác	580.492.025	-	-	580.492.025
Chi phí phải trả	946.847.260	-	-	946.847.260
Cộng	16.920.939.285	128.921.400.000	198.266.270.345	344.108.609.630
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.948.382.051)	(128.839.669.422)	(198.266.270.345)	(333.054.321.818)

2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long
Công ty TNHH MTV thuyền viên Vipco
Công ty TNHH MTV Bất động sản Vipco
Trường cao đẳng nghề Duyên Hải
Công ty cổ phần hóa dầu Petrolimex
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex
Ông Nguyễn Văn Khánh
Ông Nguyễn Đình Thanh
Ông Ngô Đức Giang
Ông Nguyễn Quang Minh
Ông Đặng Minh Thao

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
Công ty con của chủ sở hữu
Công ty con của chủ sở hữu
Công ty con của chủ sở hữu
Công ty con của chủ sở hữu
Chủ sở hữu
Công ty con của chủ sở hữu
Công ty con của chủ sở hữu
Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
Thành viên Hội Đồng Quản trị
Thành viên Hội Đồng Quản trị
Thành viên Hội Đồng Quản trị
Thành viên Hội Đồng Quản trị kiêm Giám đốc

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Nhận cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ	-	
Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	1.274.307.288	1.296.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH VIPCO Hạ Long tại Hải Phòng	113.822.464	-
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	6.561.765.629	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Vipco	351.139.200	-
Công ty TNHH MTV thuyền viên Vipco	6.091.782.981	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	463.915.585	367.676.434
Cộng	463.915.585	367.676.434

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

TÀI SẢN	Số liệu trình bày tại 31/12/2014 (Quyết định 15)		Thay đổi	Số liệu trình bày tại 01/01/2015 (Thông tư 200)	
	Mã số	Số tiền		Mã số	Số tiền
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	25.562.627.145	(25.562.627.145)	100	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7.582.817.576	(7.582.817.576)	130	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	788.233.000	215.026.095	136	1.003.259.095
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	3.023.638.605	(3.023.638.605)	150	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	152	215.026.095	(215.026.095)	152	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	473.032.266.605	-	200	473.032.266.605
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	210	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	81.730.578	216	81.730.578
III. Tài sản dài hạn khác	260	3.173.270.181	(3.173.270.181)	260	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	81.730.578	(81.730.578)	262	-

NGUỒN VỐN	Số liệu trình bày tại 31/12/2014 (Quyết định 15)		Thay đổi	Số liệu trình bày tại 01/01/2015 (Thông tư 200)	
	Mã số	Số tiền		Mã số	Số tiền
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	373.620.103.281	-	300	373.620.103.281
I. Nợ ngắn hạn	310	30.740.934.775	(5.606.400.000)	310	25.134.534.775
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	21.000.000.000	(21.000.000.000)	312	-
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	-	15.393.600.000	320	15.393.600.000
II. Nợ dài hạn	330	342.879.168.506	5.606.400.000	330	348.485.568.506
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	21.000.000.000	332	21.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	342.581.270.345	(15.393.600.000)	341	327.187.670.345
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	124.974.790.469	-	400	124.974.790.469
1. Vốn chủ sở hữu	410	124.974.790.469	-	410	124.974.790.469
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	584.911.696	320.118.011	418	905.029.707
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	320.118.011	(320.118.011)	-	-

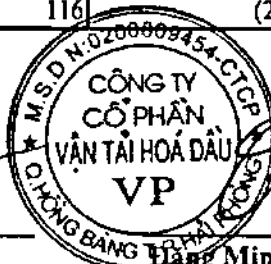
CHỈ TIÊU	Số liệu trình bày năm 2014 (Quyết định 15)		Thay đổi	Số liệu trình bày năm 2015 (Thông tư 200)	
	Mã số	Số tiền		Mã số	Số tiền
I. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	116	(29)	70	87

Hugo

Trần Thị Nga
Người lập biểu

Ma

Vũ Thị Mai
Kế toán trưởng



Đặng Minh Thao
Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần vận tải hóa dầu VP được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là:

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế

Địa chỉ: Phòng 3203, tầng 32, Nhà 34T, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy.
Hà Nội;

Điện thoại: +84.4 222 12 891;

Fax: +84.4 222 12 892;

Email: ifc@ifcvietnam.com.vn;

Website: www.ifcvietnam.com.vn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Dặng Minh Thao